

## QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT

- Căn cứ Luật Các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định, số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Bản Việt;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/24/BVBank/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 04 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Ngân hàng TMCP Bản Việt,

## QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là “*Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng TMCP bản Việt*”.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2024 và thay thế Quyết định số 56/21/QĐ-HĐQT ngày 29/4/2021 của Hội đồng quản trị.
- Điều 3.** Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các đơn vị và các cá nhân có liên quan của Ngân hàng TMCP Bản Việt chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- CBTT, đăng tải Website BVBank;
- Lưu: VP HĐQT, Trang QLVB. *VP*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



*[Signature]*  
Lê Anh Tài

## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT

- Căn cứ Luật Các Tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Bản Việt;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/24/BVBank/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 04 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Ngân hàng TMCP Bản Việt;
- Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt,  
Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt bao gồm các nội dung sau:

### CHƯƠNG I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

###### **1. Phạm vi điều chỉnh:**

Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng TMCP Bản Việt (Ngân hàng) và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

###### **2. Đối tượng áp dụng:**

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

## CHƯƠNG II

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

#### Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng.
2. Đại hội đồng cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật trong từng thời kỳ.

#### Điều 3. Chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: Ngân hàng công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông:
  - (a) Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Ngân hàng niêm yết hoặc đăng ký giao dịch, trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp;
  - (b) Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây: chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; phiếu biểu quyết;
  - (c) Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Trường hợp này, thông báo mời

họp phải ghi rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, cách thức tải tài liệu, bao gồm: chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; phiếu biểu quyết; dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
4. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:
  - (a) Các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền cổ đông là tổ chức có quyền trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp;
  - (b) Việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

Cách thức đăng ký họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết. Các trường họp còn lại, thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.
6. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
7. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.
8. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cử một người hoặc Tổ thư ký làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản của Ngân hàng và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Các nội dung Biên bản họp theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
9. Các vấn đề liên quan đến việc công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

#### **Điều 4. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**

1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.
2. Các vấn đề về trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp hội nghị trực tuyến**

Các vấn đề liên quan đến trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp hội nghị trực tuyến, bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết theo quy định Luật Doanh nghiệp và Quy chế Đại hội đồng cổ đông trực tuyến do Hội đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ.

**CHƯƠNG III**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Mục 1.**

**Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị**

**Điều 6. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Các vấn đề liên quan đến vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật.

**Mục 2.**

**Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

**Điều 7. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có tối thiểu 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập, 2/3 (hai phần ba) tổng số thành

viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng.

Trường hợp Hội đồng quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản này, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp có quy định khác.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.

**Điều 8. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

Các vấn đề liên quan đến cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 9. Cách thức bầu, giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị**

Các vấn đề liên quan đến cách thức bầu, giới thiệu ứng viên (đề cử, ứng cử) thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

Các vấn đề liên quan đến các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày thông qua quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 12. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Các vấn đề liên quan đến việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

### **Mục 3.**

#### **Thù lao và lợi ích khác của Hội đồng quản trị**

##### **Điều 13. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị không hưởng lương mà hưởng thù lao công việc. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao công việc và tiền thưởng dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng.
2. Các vấn đề còn lại liên quan đến thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

### **Mục 4.**

#### **Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị**

##### **Điều 14. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

Các vấn đề liên quan đến trình tự, tổ chức họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

##### **Điều 15. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
  - (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - (b) Thời gian, địa điểm họp;
  - (c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
  - (d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
  - (e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
  - (f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

- (g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - (h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - (i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm (a), (b), (c), (d), (e), (f), (g) và (h) khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Các vấn đề còn lại liên quan đến Biên bản họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

#### **Mục 5.**

##### **Đơn vị trực thuộc Hội đồng quản trị**

#### **Điều 16. Các ủy ban, tiểu ban và Văn phòng Hội đồng quản trị trực thuộc Hội đồng quản trị**

Các vấn đề liên quan đến việc thành lập và hoạt động của các ủy ban, tiểu ban và Văn phòng Hội đồng quản trị trực thuộc Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng có liên quan.

#### **Mục 6.**

##### **Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng**

#### **Điều 17. Người phụ trách quản trị Ngân hàng**

Các vấn đề liên quan đến Người phụ trách quản trị Ngân hàng, bao gồm tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ thực hiện theo Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

### **CHƯƠNG IV**

#### **BAN KIỂM SOÁT**

##### **Mục 1.**

#### **Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**



**Điều 18. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Các vấn đề liên quan đến vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật.

**Mục 2.**

**Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát**

**Điều 19. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có tối thiểu 05 (năm) thành viên. Trường hợp Ban Kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều này và quy định pháp luật liên quan, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp Điều lệ hoặc pháp luật có quy định khác.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
3. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Ngân hàng.
4. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
5. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

**Điều 20. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát**

Các vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế Ban Kiểm soát và quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 21. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

Các vấn đề liên quan đến đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 22. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát**

Các vấn đề liên quan đến cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 23. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

Các vấn đề liên quan đến các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 24. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày thông qua quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với thành viên Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 25. Thù lao, thưởng và lợi ích khác**

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

Các vấn đề còn lại liên quan đến thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

**CHƯƠNG V**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Điều 26. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc**

1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

2. Các vấn đề liên quan đến vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 27. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc với nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm. Trường hợp khuyết Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm Tổng Giám đốc trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày khuyết Tổng Giám đốc.
2. Các vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 28. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc**

Các vấn đề liên quan đến việc bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 29. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc**

1. Thông tin về tiền lương của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo tài chính thường niên của Ngân hàng.
2. Các vấn đề liên quan đến tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định nội bộ, Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

**CHƯƠNG VI**

**CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC**

**Điều 30. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
2. Trưởng Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
3. Các vấn đề còn lại liên quan đến thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc thực hiện

theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 31. Thông báo quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc**

1. Hội đồng quản trị tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Các vấn đề liên quan đến việc thông báo quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 32. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị**

Các vấn đề liên quan đến các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 33. Báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao**

1. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ báo cáo với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về hoạt động, hiệu quả và kết quả kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
2. Các vấn đề liên quan đến việc cung cấp thông tin và cách thức thông báo thực hiện theo quy định Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 34. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên**

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành phối hợp hoạt động theo các nguyên tắc sau:

1. Luôn vì lợi ích chung của Ngân hàng.
2. Tuân thủ Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật có liên quan.
3. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng nhau tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

**Điều 35. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành khác**

1. Khen thưởng:

- (a) Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những Người điều hành Ngân hàng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện nhiệm vụ quản trị ngân hàng, bảo đảm Ngân hàng phát triển ổn định, kinh doanh có hiệu quả là cơ sở để được xem xét, khen thưởng cho tập thể hoặc cá nhân.
- (b) Hình thức và mức khen thưởng đối với tập thể hoặc các nhân được xác định trên cơ sở tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác hàng năm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những Người điều hành Ngân hàng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp mức khen thưởng vượt tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua thì sẽ trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Kỷ luật:

- (a) Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những Người điều hành Ngân hàng trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định pháp luật có liên quan, Điều lệ Ngân hàng và các quy định khác có liên quan của Ngân hàng, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và quy định của Ngân hàng.
- (b) Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định, Điều lệ của Ngân hàng.

## **CHƯƠNG VII**

### **HIỆU LỰC THI HÀNH**

**Điều 36. Điều khoản thi hành**

1. Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng TMCP Bản Việt bao gồm 07 (bảy) Chương, 36 (ba mươi sáu) Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.
2. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
3. Điều khoản chuyển tiếp:

- (a) Người quản lý, người điều hành và chức danh khác của Ngân hàng được bầu, bổ nhiệm trước ngày Luật Các tổ chức tín dụng (TCTD) có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại các Điều 41, 42 và 43 của Luật Các TCTD được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm;
  - (b) Hội đồng quản trị Ngân hàng được bầu trước ngày Luật Các TCTD có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 69 của Luật Các TCTD được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng quản trị;
  - (c) Đến ngày Luật Các TCTD có hiệu lực thi hành, Ban kiểm soát của Ngân hàng có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Các TCTD được tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Các TCTD số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14 cho đến hết nhiệm kỳ của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, trưởng hợp Ngân hàng bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên Ban kiểm soát.
4. Điều khoản ưu tiên áp dụng:
- (a) Trong trường hợp có những nội dung được quy định khác nhau giữa Quy chế này và Điều lệ thì ưu tiên áp dụng theo Điều lệ;
  - (b) Trường hợp có những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này thì áp dụng theo Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng;
  - (c) Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ngân hàng chưa được đề cập trong Quy chế này và/hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ngân hàng. *uy*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



*[Signature]*  
Lê Anh Tài